

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **21/2026/DS-ST**

Ngày: 31-3-2026

*“V/v Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thu Trang

2. Ông Nguyễn Minh Trí

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thúy Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 7, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hoàng Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 7, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 274/2025/TLST-DS ngày 25 tháng 11 năm 2025 về việc tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2026/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 02 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 105/2026/QĐST-DS ngày 10 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Bùi Kim T, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1976 (có mặt);

Địa chỉ: Tổ G, ấp K, xã A, tỉnh An Giang.

2. *Bị đơn:* Chị Trịnh Huyền T1, sinh năm 1991 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp X, xã A, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 09 tháng 9 năm 2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Bùi Kim T trình bày và yêu cầu như sau:*

Vào năm 2019, chị có cho chị Trịnh Huyền T1 vay số tiền 20.000.000 đồng, không có làm giấy tờ biên nhận gì, chị và chị Trịnh Huyền T1 thỏa thuận trả tiền lãi 1.500.000 đồng/ tháng, hẹn khi nào chị Trịnh Huyền T1 lĩnh được hui

trả cho chị đủ số tiền nói trên, sau khi vay chị Trịnh Huyền T1 trả cho chị được 02 lần với số tiền 6.000.000 đồng, khi trả chị Trịnh Huyền T1 kêu chị ghi xác nhận nợ đã cung cấp cho Tòa án, chị Trịnh Huyền T1 còn nợ lại chị số tiền vốn 14.000.000 đồng đến nay chưa trả, chị liên lạc bằng số điện thoại nhưng chị Trịnh Huyền T1 thách thức chị. Nay chị yêu cầu buộc chị Trịnh Huyền T1 trả cho chị số tiền vay còn nợ là 14.000.000 đồng tiền vốn gốc, chị không yêu cầu chị Trịnh Huyền T1 trả tiền lãi, ngoài ra chị không yêu cầu gì khác.

** Bị đơn chị Trịnh Huyền T1 trình bày:* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị Trịnh Huyền T1 biết để có ý kiến về việc chị Bùi Kim T yêu cầu chị trả số tiền vay còn nợ nhưng chị Trịnh Huyền T1 không có ý kiến gì và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình nên Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

** Tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án gồm:* Căn cước công dân tên Bùi Kim T (Bản sao); Biên nhận nợ ngày 29 tháng 12 năm 2023 (Bản phô tô và bản chính); 01 tờ giấy nội dung ghi trả tiền, còn nợ 15.000.000 đồng (Bản chính); Đơn xin xác nhận tình trạng cư trú của đương sự ngày 09 tháng 9 năm 2025 của chị Bùi Kim T (Bản chính).

** Tại phiên tòa:*

Nguyên đơn chị Bùi Kim T yêu cầu buộc chị Trịnh Huyền T1 trả cho chị số tiền vay vốn gốc là 14.000.000 đồng, chị không yêu cầu chị Trịnh Huyền T1 trả tiền lãi, ngoài ra chị không yêu cầu gì khác.

Bị đơn chị Trịnh Huyền T1 vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án thực hiện các trình tự thủ tục tố tụng đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Xét đơn khởi kiện của chị Bùi Kim T yêu cầu chị Trịnh Huyền T1 trả số tiền vay vốn gốc còn nợ 14.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Bùi Kim T yêu cầu bị

đơn chị Trịnh Huyền T1 trả tiền vay còn nợ. Nguyên đơn và bị đơn điều cư trú tại: xã A, tỉnh An Giang nên được xác định đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 7, tỉnh An Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn chị Trịnh Huyền T1 biết và ấn định thời gian để chị có ý kiến về việc chị Bùi Kim T khởi kiện đối với chị trả tiền vay còn nợ, nhưng chị Trịnh Huyền T1 không có ý kiến gì và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình nên Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung. Tòa án tổ chức và thông báo cho các bên đương sự để tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chị Trịnh Huyền T1 vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do. Như vậy, đây là thuộc trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung và tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho chị Trịnh Huyền T1, nhưng chị Trịnh Huyền T1 vẫn cố tình vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do. Đồng thời, tại phiên tòa hôm nay chị Bùi Kim T không yêu cầu hoãn phiên tòa. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị Trịnh Huyền T1 theo quy định tại khoản 2 Điều 227, điểm b khoản 1 Điều 238 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Xét về hợp đồng vay tài sản giữa chị Bùi Kim T và chị Trịnh Huyền T1 được xác lập bằng lời nói, có xác nhận nợ (Biên nhận ngày 29 tháng 12 năm 2023), ghi thời hạn trả nợ mỗi tháng 01 triệu đồng là phù hợp theo quy định tại Điều 463 và khoản 1 Điều 469 của Bộ luật dân sự.

Xét khởi kiện của nguyên đơn chị Bùi Kim T yêu cầu bị đơn chị Trịnh Huyền T1 phải trả cho chị Bùi Kim T số tiền vay vốn gốc là 14.000.000 đồng; chị Trịnh Huyền T1 không có ý kiến yêu cầu gì. Hội đồng xét xử thấy rằng, yêu cầu của khởi kiện của chị Bùi Kim T phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, cụ thể: Tờ giấy nội dung ghi ngày 3 tháng 10 năm 2020 hỏi vay của chị T 20.000.000 đồng và Biên nhận ngày 29 tháng 12 năm 2023 của chị Trịnh Huyền T1 vay tiền của chị Bùi Kim T tổng số tiền vốn gốc là 15.000.000 đồng, trả 02 lần 5.000.000 đồng và 1.000.000 đồng, còn lại 14.000.000 đồng, hẹn trả mỗi tháng 1.000.000 đồng; chị Trịnh Huyền T1 không có ý kiến phản bác gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Kim T là có thật, phù hợp theo quy định tại khoản 4 Điều 91 và khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Sau khi vay tiền đến nay chị Trịnh Huyền T1 không trả tiền vay theo thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật dân sự. Do đó, Hội

đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Kim T, buộc chị Trịnh Huyền T1 phải có nghĩa vụ trả cho chị Bùi Kim T số tiền vay vốn gốc là 14.000.000 đồng là phù hợp theo quy định tại Điều 466 và khoản 1 Điều 469 của Bộ luật dân sự.

Chị Bùi Kim T không yêu cầu chị Trịnh Huyền T1 trả tiền lãi nên không xem xét.

[4] Về án phí: Bị đơn chị Trịnh Huyền T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận. Nguyên đơn được miễn tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 91, khoản 1, khoản 2 Điều 92, Điều 147, khoản 1 Điều 207, khoản 2 Điều 227, điểm b khoản 1 Điều 238, Điều 241, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466 và khoản 1 Điều 469 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Kim T, buộc chị Trịnh Huyền T1 phải có nghĩa vụ trả cho chị Bùi Kim T số tiền vay vốn gốc là 14.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu của người được thi hành án chị Bùi Kim T nếu người phải thi hành án chị Trịnh Huyền T1 không thi hành hoặc thi hành không đủ số tiền nêu trên thì hàng tháng người phải thi hành án chị Trịnh Huyền T1 còn phải trả cho người được thi hành án chị Bùi Kim T một khoản tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí: Buộc bị đơn chị Trịnh Huyền T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 700.000 đồng (14.000.000 đồng x 5%).

Chị Bùi Kim T không chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho chị Bùi Kim T số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm là 350.000 đồng theo biên lai thu số: 0009610 (Ký hiệu: BLTU/25E) ngày 21 tháng 11 năm 2025 của Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 7, tỉnh An Giang.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 31 tháng 3 năm 2026. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND K7, tỉnh An Giang;
- Phòng THADS K7, tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HSVA (Kiều).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Thảo